

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 38: từ ngày 04/05/2026 đến ngày 10/05/2026

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
K10-DVTY P.B101	Sáng	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) 4	KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (Phượng) 4	KTNPTB cho gia cầm (Hòa) 4	KTNPTB cho trâu bò ... (Phượng) 4 <i>Sinh hoạt lớp (Duyên) 1</i>
	Chiều					
K11-DVTY P.E303	Sáng	KTNPTB cho lợn (Hung) 4	KT thị và các sp khác (Hòa) (P.TH01) 4	KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (H.Nga) (P.TH01) 4	KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (H.Nga) (P.TH01) 4	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 4 <i>Sinh hoạt lớp (Quyên) 1</i>
	Chiều		Khuyến nông (Luu) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) 4		
K10-KTDN K11-KTDN P.E305	Sáng		Tài chính doanh nghiệp (Thuý) 4	Quản trị VP (Hoa) 4		Kế toán DN 1 (Dung) 3
	Chiều	Quản trị VP (Hoa) 4	Khởi sự kinh doanh (Son) 4	Quản trị doanh nghiệp (Son) 4	Khởi sự kinh doanh (Son) 4	Khởi sự kinh doanh (Son) 4
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1 P.B102	Sáng	Thực tập cơ bản (Huyền) 4	Thực tập cơ bản (Huyền) 4			
	Chiều			Thực tập cơ bản (Thọ) 4	Thực tập cơ bản (Thọ) 4	Thực tập cơ bản (Huyền) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Bình) 1</i>
TT65A1 P.B201	Sáng	Bệnh cây đại cương (Lịch) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		Hóa BVTV (Huệ) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Hương) 1</i>
	Chiều					
TT65A3 P.B102	Sáng	Cây lương thực (Thọ) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		Thủy nông (Huyền) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Huyền) 1</i>
	Chiều					
LN65A	Sáng	Nhân giống bằng PP nuôi cấy mô (Hùng) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		Tạo cây giống bằng giâm (Tuyết) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Lịch) 1</i>
	Chiều					

CN65A1 P.B202	Sáng	Tin học (Tâm) 4 <i>(P.TH thư viện)</i>	Vi sinh vật - TN (Quyên) 4	Khuyến nông (Thọ) 4	Tiếng anh (Linh) 4	CD và ĐTH thú y (Lệ) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> 1
	Chiều					
CN65A3 P.B203	Sáng	VSV - Truyền nhiễm (Duyên) 4	CD và ĐTH thú y (Vân) 4	Tiếng anh (Linh) 4	Khuyến nông (Lịch) 4	VSV - Truyền nhiễm (Duyên) 3 <i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i> 1
	Chiều					
CN65A4 P.E304	Sáng	CD và ĐTH thú y (Vân) 4	VSV - TN (Phượng) 4	Khuyến nông (Triệu) 4	Tiếng anh (K. Nhung) 4	Giống vật nuôi (Quyên) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i> 1
	Chiều					
KTDN65A1 P.B103	Sáng	Luật kinh tế (Huyền) 2 Kinh tế chính trị (Quế) 2	Tài chính doanh nghiệp (Thúy) 4	Tin học (Hà) 4	Lý thuyết TCTT (P.Thảo) 4	Kế toán DN 1 (Dung) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i> 1
	Chiều					
KTDN65A2 P.B104	Sáng	Kinh tế chính trị (Quế) 2 Nguyên lý Marketing (Sơn) 2	Tin học (Phương) 4 <i>(P.TH thư viện)</i>	Kế toán DN 1 (T.Thảo) 4		Tài chính doanh nghiệp (Thúy) 3 <i>Sinh hoạt lớp (P.Thảo)</i> 1
	Chiều					
KTDN65B	Sáng	Nguyên lý Marketing (Dung) 3 <i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> 1		Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		Soạn thảo VB (Sơn) 4
	Chiều		Kế toán DN 1 (T.Thảo) 4			
CNTT65A1 P.B205	Sáng		Tổ chức QLDN (Sơn) 4	Cấu trúc DL và GT (Hà) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i> 1	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Mạng máy tính (Tâm) 4
	Chiều					
CNTT65A2 P.B204	Sáng	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		Tổ chức QLDN (Sơn) 4	Mạng máy tính (Tâm) 4	Tiếng anh CN (Linh) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i> 1
	Chiều					
ĐCN65A1 P.E303	Sáng	Máy điện (Giáp) 4	GD chính trị (Quế) 4	Máy điện (Giáp) 4	Truyền động điện (N.Đức) 4	Máy điện (Giáp) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i> 1
	Chiều					
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	Máy điện (Tuấn) 4	Khí cụ điện (Giáp) 4	Đo lường điện (A.Đức) 4	Máy điện (Tuấn) 4	Máy điện (Tuấn) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i> 1
	Chiều					
ĐCN65B1	Sáng	Máy điện (Huân) 4		Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		Đo lường điện (P.Anh) 3 <i>Sinh hoạt lớp (P.Anh)</i> 1
	Chiều		Máy điện (Huân) 4			

ĐCN65B2 P.E301	Sáng	Máy điện (H.Anh) 4	Truyền động điện (H. Anh) 4	Máy điện (H.Anh) 4	Khí cụ điện (Giáp) 4	Máy điện (H.Anh) 3
	Chiều					<i>Sinh hoạt lớp (H.Anh)</i> 1
ĐCN65B3 P.B306	Sáng	GD chính trị (Thắm) 2	Máy điện (Tuấn) 4	Máy điện (Tuấn) 4	Truyền động điện (H. Anh) 4	Đo lường điện (Nga) 3
	Chiều	GDTC (Thuý) 2				<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> 1
TL64	Sáng					
	Chiều	Máy đóng mở cửa van (N.Đức) 4	Máy đóng mở cửa van (N.Đức) 4	Máy đóng mở cửa van (N.Đức) 4	Vận hành máy bơm LT và HL (Hoà) 4	Kỹ thuật nền móng (N.Đức) 3 <i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> 1
TL65	Sáng	QLVH tưới tiêu (Huyền) 4		Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	QLVH tưới tiêu (Huyền) 4	Kỹ năng giao tiếp (N.Đức) 3 <i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> 1
	Chiều		Trắc địa (Hoà) 4			
CBBQ64	Sáng					
	Chiều	Quản trị DN (Năm) 4	Quản trị DN (Năm) 4	Quản trị DN (Năm) 4	Quản trị DN (Năm) 4	CB khô thủy sản (Liên) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1
CBBQ65	Sáng	CB Surimi (Năm) 4		Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	CB Surimi (Năm) 4	CB Surimi (Năm) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1
	Chiều		Thu mua, BQ, VC NLTS (Liên) 4			
KTMĐT64	Sáng					
	Chiều	Thực hành cơ bản (Đông) 4		Thực hành cơ bản (Đông) 4	Thực hành cơ bản (Đông) 4	Thực hành cơ bản (Đông) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> 1
KTMĐT65	Sáng	Vật liệu máy TT (Đông) 4		Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		Vật liệu máy TT (Đông) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> 1
	Chiều		Vật liệu máy TT (Đông) 4			
NTTS64	Sáng					
	Chiều	KT nuôi ngao (Ánh) 4	KT nuôi ngao (Ánh) 4	KT nuôi ngao (Ánh) 4	KT nuôi ngao (Ánh) 4	KT nuôi ngao (Ánh) 4 <i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1
ĐKTB65	Sáng	La bàn từ (Trung) 4		Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		La bàn từ (Trung) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i> 1
	Chiều		Thủy nghiệp (Tiến) 4			

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ		Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
LỚP				
TT64A2	Sáng	TT cơ bản (Lịch) 4	<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1 TT cơ bản (Lịch) 4	TT cơ bản (Bình) 4
	Chiều	TT cơ bản (Lịch) 4	TT cơ bản (Bình) 4	TT cơ bản (Bình) 4
TT64A3 P.B204	Sáng	TT cơ bản (Huệ) 4	<i>Sinh hoạt lớp (Huệ)</i> 1 TT cơ bản (Huệ) 4	TT cơ bản (Hương) 4
	Chiều	TT cơ bản (Huệ) 4	TT cơ bản (Hương) 4	TT cơ bản (Hương) 4
TT65A2 P.B204	Sáng	Sinh lý TV (Huyền) 4	<i>Sinh hoạt lớp (Huệ)</i> 1 Tiếng anh (K.Nhung) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 4
	Chiều	Tiếng anh (K.Nhung) 4	Pháp luật (Huyền) 4	Đất trồng - phân bón (Lịch) 4
CN65A2 P.B205	Sáng	Giống vật nuôi (Quyên) 4	<i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i> 1 Tiếng anh (K.Nhung) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 4
	Chiều	Tiếng anh (K.Nhung) 4	Pháp luật (Huyền) 4	Giải phẫu SLVN (Hằng) 4

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày từ ngày 04/05/2026 đến ngày 10/05/2026

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	Ngữ văn (Hằng) 3 HĐTN (Nhưng) 1	Ngữ văn (Hằng) 2	Lịch sử (Hà) 2	GDKT và PL (Thuý) 2	Toán (Nhưng) 2
	Chiều					
VH63B3 P.B302	Sáng	HĐTN (Hà) 1 Toán (Quý) 3	Lịch sử (Dự) 2	GDKT và PL (Quý) 2	Toán (Quý) 2	Ngữ văn (Hằng) 2
	Chiều					
VH63B4 P.B303	Sáng	GDKT và PL (Quyên) 3 HĐTN (Dự) 1	Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Lịch sử (Dự) 2	GDKT và PL (Quyên) 2
	Chiều					
VH63B6 P.B304	Sáng	GDKT và PL (Tài) 3 HĐTN (Hoà) 1	Lịch sử (Lý) 2	Ngữ văn (Hường) 2	Toán (Nhưng) 2	GDKT và PL (Tài) 2
	Chiều					
VH63B7 P.B305	Sáng	Địa lý (Ngọc) 3 HĐTN (Nga) 1	Ngữ văn (H.Hà) 2	Địa lý (Ngọc) 2	GDKT và PL (Nga) 2	Toán (Quý) 2
	Chiều					
VH63B8 P.B301	Sáng	Ngữ văn (Hường) 3 HĐTN (K.Nhung) 1	Toán (Quý) 2	GDKT và PL (Quyên) 2	Ngữ văn (Hường) 2	Lịch sử (Dự) 2
	Chiều					
VH64B1	Sáng	Toán (Nhưng) 3 HĐTN (Hằng) 1	Hoá học (Doan) 4	Ngữ văn (Hằng) 4	CD Địa lý (Thúy) 4	Lịch sử (Hà) 4
VH64B3 P.E101	Sáng	Lịch sử (Dự) 3 HĐTN (Vân) 1	Ngữ văn (Chi) 2 Hoá học (Vân) 2	Vật lý (Hoà) 2 Toán (Dương) 2		

VH64B4 P.E201	Sáng	Vật lý (Trung) <i>HDTN (H.Nga)</i>	3 1	Hóa học (Hà) GDKT và PL (Thắm)	2 2	Ngữ văn (Chi) CĐ Địa lý (Nga)	2 2				
VH64B5 P.E202	Sáng	Địa lý (Lực) <i>HDTN (Dương)</i>	3 1	GDKT và PL (Quyên) Ngữ văn (Chi)	2 2	Toán (Dương) Ngữ văn (Chi)	2 2				
VH64B6 P.E204	Sáng	Ngữ văn (H.Hà) <i>HDTN (H. Hà)</i>	3 1	Địa lý (Lực) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Hóa học (Hà) Toán (Quý)	2 2				
VH64B8 P.E203	Sáng							Toán (Quảng) <i>HDTN (Phiên)</i>	3 1		
	Chiều	Ngữ văn (Lý)	4	Ngữ văn (Lý)	4						
VH65B1	Sáng			Vật lý (Sơn)	4		Vật lý (Sơn)	4			
	Chiều	Địa lý (Thúy)	4			Hoá học (Doan)	4	GDKT và PL (Thúy) <i>HDTN (Thúy)</i>	3 1	CĐ Lịch sử (Hà)	
VH65B2 P.E302	Chiều	Toán (Dương) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Ngữ văn (H.Hà) Hóa học (Hà)	2 2	Địa lý (Thúy) CĐ Lịch sử (Dự)	1 3	Vật lý (Trung) Toán (Dương)	2 2	CĐ Lịch sử (Dự) <i>HDTN (Quyên)</i>	3 1
VH65B3 P.E301	Chiều	Vật lý (Trung) Toán (Quý)	2 2	Địa lý (Phuong) Toán (Quý)	2 2	Lịch sử (Dự) Hoá học (Vân)	1 3	CĐ GDKT và PL (Thắm) Vật lý (Trung)	2 2	Ngữ văn (Lý) <i>HDTN (Quý)</i>	3 1
VH65B4 P.E101	Chiều	Toán (Quý) Địa lý (Lực)	2 2	Lịch sử (Dự) GDKT và PL (Nga)	2 2	CĐ Ngữ văn (Hùng) Vật lý (Hoà)	2 2	Lịch sử (Dự) Hóa học (Vân)	2 2	Toán (Quý) <i>HDTN (Mạnh)</i>	3 1
VH65B5 P.B205	Sáng	Lịch sử (Hằng)	4								
	Chiều	GDKT và PL (Nga) Vật lý (Hòa)	2 2	Ngữ văn (Hà) CĐ Ngữ văn (Hà)	2 2	Lịch sử (Hằng) Toán (Dương)	2 2	Địa lý (Lực) Vật lý (Hoà)	2 2	CĐ Ngữ văn (Hà) <i>HDTN (Lực)</i>	3 1
VH65B6 P.B204				Lịch sử (Hằng)	4						
	Chiều	Lịch sử (Hằng) Toán (Quảng)	2 2	Vật lý (Trung) Địa lý (Phuong)	2 2	Toán (Quảng) CĐ GDKT và PL (Thắm)	2 2	Ngữ văn (Chi)	4	CĐ GDKT và PL (Thắm) <i>HDTN (Thắm)</i>	3 1

VH65B7 P.B104	Sáng					Lịch sử (Hằng)	4	
	Chiều	Toán (Quảng) 2 Sinh học (Phượng) 2	Lịch sử (Hằng) 2 Toán (Quảng) 2	GDKT và PL (Nga) 2 Ngữ văn (Lý) 2	Địa lý (Phượng) 2 GDKT và PL (Nga) 2	GDKT và PL (Nga) 3 HĐTN (Phượng) 1		
VH65B8 P.B202	Chiều	Địa lý (Lực) 2 GDKT và PL (Quế) 2	Toán (Quảng) 2 Lịch sử (Hằng) 2	GDKT và PL (Quế) 2 CD Ngữ văn (Hường) 2	Lịch sử (Hằng) 2 Toán (Quảng) 2	GDKT và PL (Quế) 3 HĐTN (Hường) 1		
	Chiều	CD Ngữ văn (Hà) 4	Hoá học (Hà) 2 GDKT và PL (Thắm) 2	Sinh học (Hồng) 2 Toán (Quảng) 2	Toán (Quảng) 2 Lịch sử (Hằng) 2	Địa lý (Phượng) 3 HĐTN (Hồng) 1		
VH65B10 P.B103	Chiều	GDKT và PL (Thắm) 2 Sinh học (Hồng) 2	GDKT và PL (Thắm) 2 Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (Lý) 2 CD Địa lý (Thủy) 2	Sinh học (Hồng) 2 Lịch sử (Dự) 2	HĐTN (Thắm) 1 Toán (Dương) 3		
	Sáng			Lịch sử (Hằng) 4				
VH65B11 P.B201	Chiều	Địa lý (Nga) 2 Lịch sử (Hằng) 2	Sinh học (Hồng) 2 Toán (Dương) 2	Toán (Dương) 2 Lịch sử (Hằng) 2	Ngữ văn (Hà) 4	Địa lý (Nga) 3 HĐTN (Quế) 1		

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu